TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Phạm Thành Đồng

Ông Huỳnh Đức Tâm

- **Thư ký phiên tòa**: bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa**: bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lữ Thị Diệp T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp 2A, xã T1, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp Linh Phụng, xã L, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lữ Thị Diệp T trình bày:

Chị và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã L (G, B) vào ngày 24/3/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại ấp Linh Phụng, xã L, huyện G. Đầu năm 2021, do bất đồng quan điểm nên hai bên nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ ngày 30/4/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai đều không có thiện chí hàn gắn. Hiện tại do hai bên tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục, không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Con chung là

Nguyễn Đăng K, sinh ngày 12/9/2020 hiện ở với chị; khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Minh T vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của chị Lữ Thị Diệp T.

Tại phiên tòa:

Chị Lữ Thị Diệp T vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Minh T vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục:

Sau khi nhận đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý, Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) và các văn bản quy phạm pháp luật (viết tắt là VBQPPL) có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại các điều 195, 196, 68, 96, 97, 209, 210, 211 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng và đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Thẩm phán quyết định đưa vụ án ra xét xử, giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng và đầy đủ các quy định tại Điều 220 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Tất cả các trình tự thủ tục tố tụng dân sự, Thẩm phán không vi phạm. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng và đầy đủ quy định của BLTTDS và VBQPPL có liên quan về việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử, Thư ký không vi phạm về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Bị đơn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan.

- Về nội dung: căn cứ quy định tại các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Chị T được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 12/9/2020 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về cấp dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con, chị T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản chung: không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: chị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên toà, nguyên đơn vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; riêng bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: do chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã L (G, B) vào ngày 24/3/2020 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2021 và ly thân từ ngày 30/4/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai vẫn không thể hoà giải và hàn gắn. Trong quá trình tố tụng, chị T xác định hai bên không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn, giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu xét xử vắng mặt; anh T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia các phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Từ đó có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Nguyễn Đăng K, sinh ngày 12/9/2020. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị T và anh T sống ly thân cho đến nay, cháu K vẫn do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định, anh T cũng không tranh chấp nuôi con. Do đó xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: chị T khai không có nên không xem xét.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị T phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Lữ Thị Diệp T được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2/- Con chung: Nguyễn Đăng K, sinh ngày 12/9/2020.

Giao Nguyễn Đăng K, sinh ngày 12/9/2020 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Tài sản chung: không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/- Nợ chung: chị T khai không có nên không xem xét.

5/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Lữ Thị Diệp T phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003177 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã L,
(G, B);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Ngọc Duyên